

Số: 196 /QĐ-STTTT

Đồng Nai, ngày 24 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022  
cho Văn phòng Sở thuộc Sở Thông tin và Truyền thông Đồng Nai**

**GIÁM ĐỐC SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG ĐỒNG NAI**

Căn cứ Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định tổ chức và hoạt động của Sở Thông tin và Truyền thông; Quyết định số 48/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi Khoản 2, Điều 4 Quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-STC ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Sở Tài chính về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao dự toán ngân sách 2022 cho Văn phòng Sở thuộc Sở Thông tin và Truyền thông (Theo phụ lục chi tiết đính kèm).

**Điều 2.** Căn cứ dự toán được giao, Văn phòng Sở thuộc Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm thực hiện theo đúng Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chuyên môn, Kế toán thuộc Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- Sở Tài chính,
- KBNN tỉnh;
- Ban Giám đốc;
- Niêm yết<sup>(01)</sup>;
- Lưu: VT, VP<sup>(03)</sup>.

**GIÁM ĐỐC**



**Lê Hoàng Ngọc**

**PHỤ LỤC**

*(Kèm theo Quyết định số 196/QĐ-STTTT ngày 24/12/2021 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 cho Văn phòng Sở thuộc Sở Thông tin và Truyền thông Đồng Nai*

*Đvt: triệu đồng*

**Chương 427**

Loại/ Khoản	Nội dung	Tổng dự toán giao	Số tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị được sử dụng
		(1)=(2)+(3)	(2)	(3)
<b>I/ DỰ TOÁN THU NS:</b>				
	<b>1. Số thu, lệ phí</b>	<b>79</b>		
	<i>Thu lệ phí nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh</i>	2		
	<i>Thu phí thẩm định xuất bản tài liệu không kinh doanh</i>	77		
	<b>2. Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>50</b>		
	<i>Phí thẩm định xuất bản tài liệu không kinh doanh</i>	50		
	<b>3. Số phí, lệ phí nộp ngân sách</b>	<b>10</b>		
	<i>Thu lệ phí nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh</i>	2		
	<i>Thu phí thẩm định xuất bản tài liệu không kinh doanh</i>	8		
		<b>44.351</b>	<b>3.904</b>	<b>40.447</b>
<b>II/ DỰ TOÁN CHI NS:</b>				
	Bao gồm:			
340	<b>1. Chi Quản lý nhà nước</b>	<b>5.837</b>	<b>237</b>	<b>5.600</b>
	1.1 Kinh phí thường xuyên/tự chủ	5.641	217	5.424
	- Chi con người	3.471		3.471
	- Chi hoạt động (31 biên chế x 70 triệu đồng)	2.170	217	1.953
	1.2 Kinh phí không thường xuyên	196	20	176
	<i>Chi công tác BCXB</i>	66	7	59
	<i>Chi công tác thanh tra</i>	130	13	117
	<b>2. Chi sự nghiệp</b>	<b>38.514</b>	<b>3.667</b>	<b>34.847</b>
280	<b>Sự nghiệp kinh tế khác</b>	<b>38.514</b>	<b>3.667</b>	<b>34.847</b>

Loại/ Khoản	Nội dung	Tổng dự toán giao	Số tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị được sử dụng
	Tổ chức tập huấn công tác thông tin cơ sở cho các huyện, thành phố.	90	9	81
	Kinh phí duy trì trang thông tin điện tử của các sở ngành	3.500	350	3.150
	Điều tra sản lượng, giá cước bình quân dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí năm 2021 trên địa bàn tỉnh	30	0	30
	Hội nghị người phát ngôn và công tác thông tin đối ngoại	90	9	81
	Kế hoạch hợp tác với các cơ quan báo chí tuyên truyền về Đồng Nai năm 2021	900	90	810
	Xây dựng phần mềm hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh để tổ chức hoạt động TTCS ở cả 3 cấp tỉnh, huyện và xã; quản lý, theo dõi, giám sát trạng thái hoạt động của các cụm loa truyền thanh	3.500	350	3.150
	Kinh phí tham dự hội thảo hợp tác phát triển CNTT-TT Việt Nam	150	15	135
	Quản trị, vận hành hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	250	25	225
	Kinh phí thuê vận hành tổng đài 1022	4.900	490	4.410
	Đề án chuyển đổi IPV6 giai đoạn 2019- 2020 và định hướng sử dụng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	400	40	360
	Duy trì, hệ thống camera giám sát Bộ phận một cửa các cấp	342	34	308

Loại/ Khoản	Nội dung	Tổng dự toán giao	Số tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị được sử dụng
	Nâng cấp Cổng dịch vụ công trực tuyến, thực hiện kết nối với Cổng quốc gia, các bộ ngành	2.783	278	2.505
	Nâng cấp, mở rộng Trục liên thông tỉnh Đồng Nai	2.648	265	2.383
	Hiệu chỉnh, cài đặt, cấu hình thủ tục hành chính trên hệ thống một cửa điện tử, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (khi có thay đổi hoặc thêm mới)	1.200	120	1.080
	Kinh phí thuê dịch vụ, khai thác, sử dụng hệ thống thông tin, báo cáo tỉnh Đồng Nai	1.718		1.718
	Chi phí chỗ đặt máy chủ cho hệ thống máy chủ	103	10	93
	Thanh toán chi phí tiền điện theo định kỳ hàng tháng của Trung tâm THDL tỉnh (12 tháng)	450	45	405
	Cước đường truyền kết nối đảm bảo hoạt động (internet + TSLCD)	198	20	178
	Trang bị phần mềm diệt virus cho các máy chủ	72	0	72
	Trang bị chứng thư số SSL cho hệ thống Cổng TTĐT và Thư điện tử	30	0	30
	Licence spam mail hàng năm	100	10	90
	Thay thế, sửa chữa thiết bị hư hỏng tại Trung tâm THDL tỉnh	200	20	180
	Bảo dưỡng, vệ sinh thiết bị tại Trung tâm THDL tỉnh + bảo trì hệ thống máy lạnh Inrow	100	10	90

Loại/ Khoản	Nội dung	Tổng dự toán giao	Số tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị được sử dụng
	<i>Dịch vụ dự phòng thảm họa tức thời cho các Hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh</i>	1.115	112	1.003
	<i>Xây dựng kho quản lý dữ liệu điện tử và nâng cấp chức năng phần mềm số hóa hồ sơ thủ tục hành</i>	11.485	1.149	10.336
	<i>Tập huấn giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh</i>	1.200	120	1.080
	<i>Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin của tỉnh cho cán bộ, công chức, viên chức</i>	300	30	270
	<i>Chương trình tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng số trong cơ quan nhà nước (bao gồm cả nhận thức an toàn thông tin)</i>	300	30	270
	<i>Hỗ trợ vận hành phần mềm Văn phòng điện tử AI-Office cho các đơn vị trên địa bàn tỉnh (30 đơn vị)</i>	360	36	324